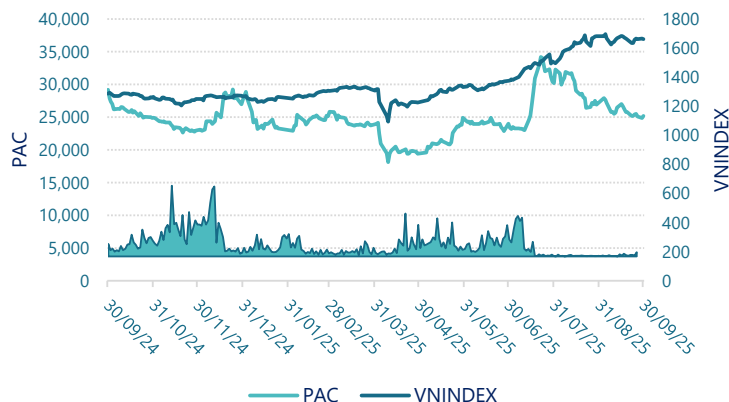




CTCP Pin Ác quy miền Nam (HSX: PAC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	25,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	34,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	18,128
SL cổ phiếu LH	69,707,328
KLGD BQ 20 phiên (CP)	389,110
% sở hữu nước ngoài	12.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,757
P/E	15.0
EPS	1,675

DT thuần

Q3/25

909

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.00 | 0.3%

YoY: ▲ 112 | 14.1%

LN sau thuế

Q3/25

16.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼22.9 | -58.5%

YoY: ▼16.1 | -49.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

3.8%

+/- YoY: ▼ 2.5%

DT thuần

9T 2025

2,677

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 234 | 9.6%

LN sau thuế

9T 2025

84.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼9.90 | -10.5%

ROE

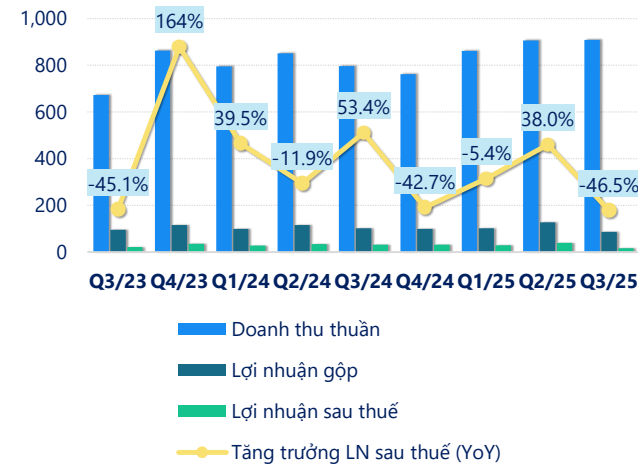
Q3/25

12.0%

+/- YoY: ▼ 1.9%

tỷ VNĐ

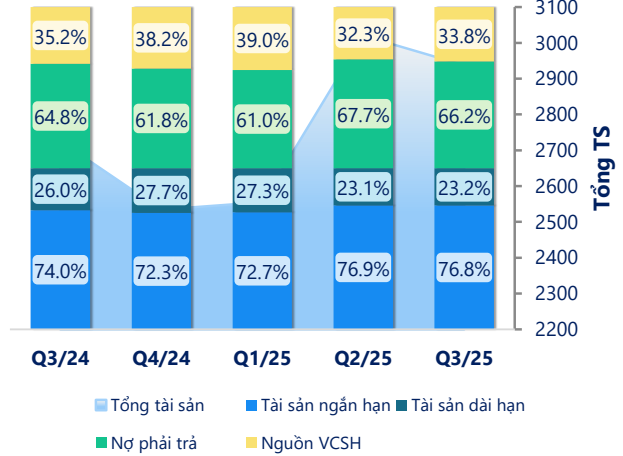
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

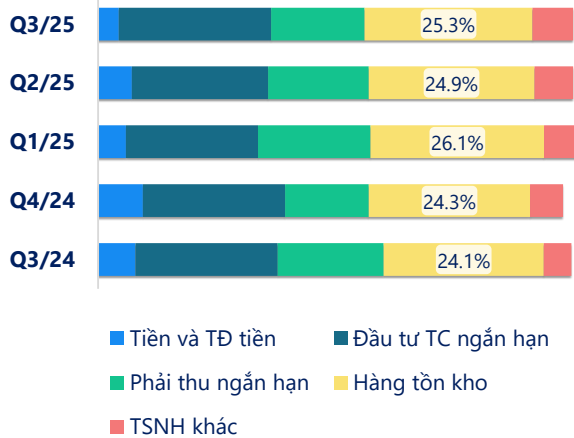
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



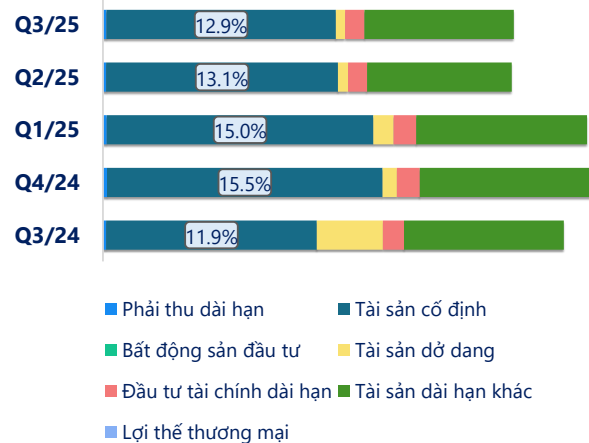
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

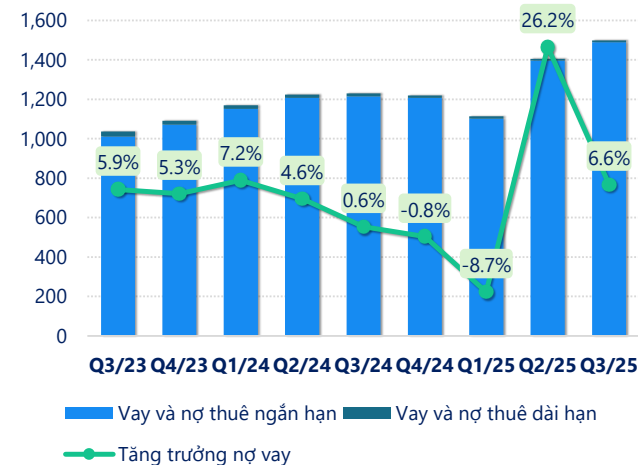
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

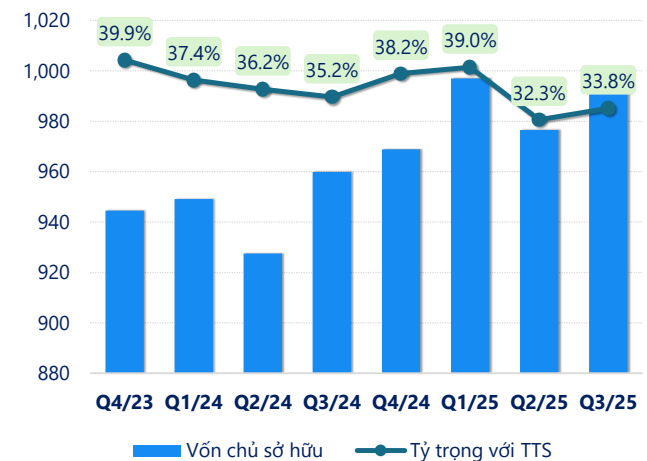
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

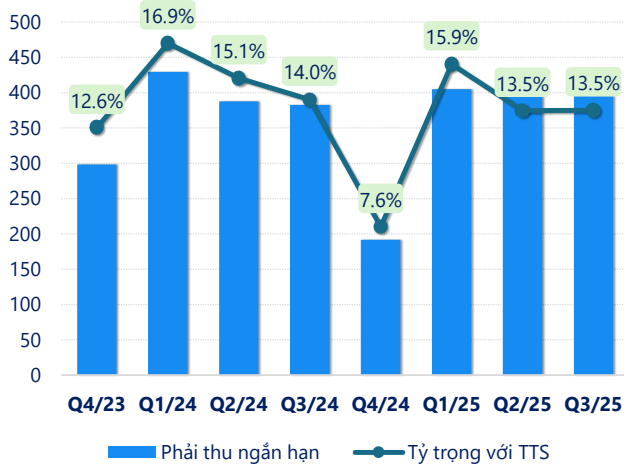
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



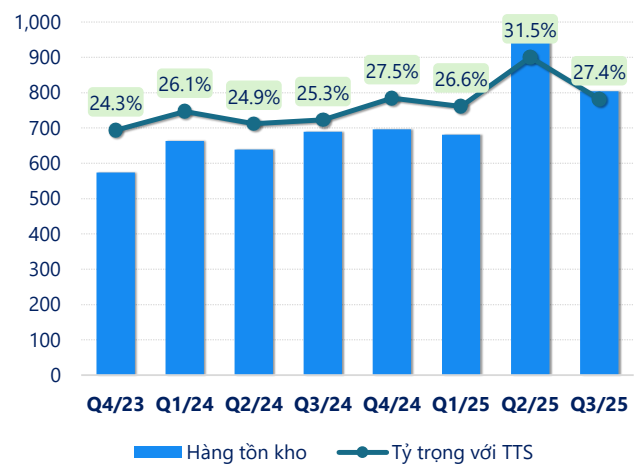
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


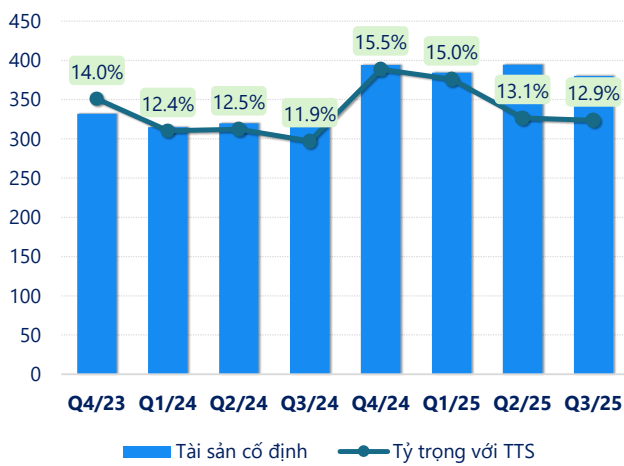
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


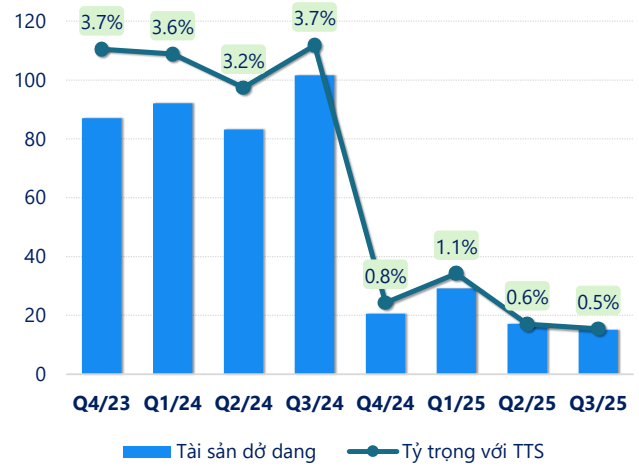
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

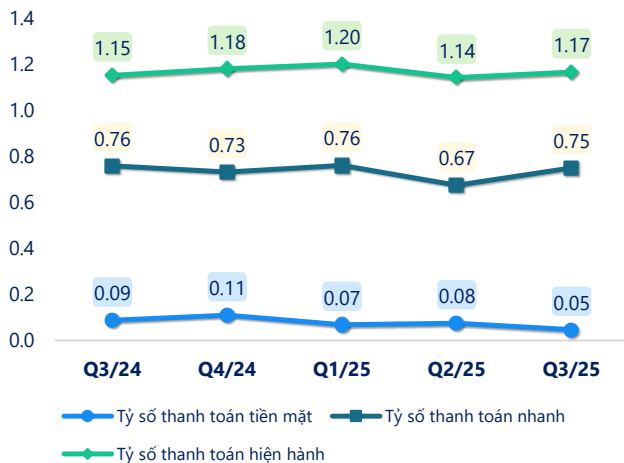
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

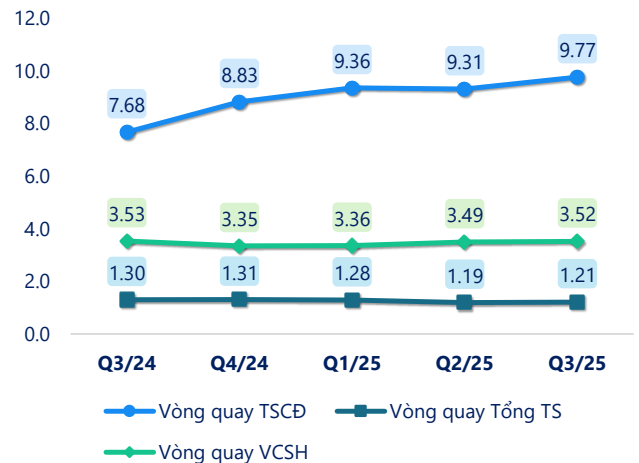
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	2,725	2,535	2,555	3,020	2,937
Tài sản ngắn hạn	2,017	1,832	1,857	2,323	2,256
Tiền và tương đương tiền	153	171	107	153	91.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	625	585	455	565	695
Phải thu ngắn hạn	383	192	405	407	397
Hàng tồn kho	689	696	681	952	804
Tài sản ngắn hạn khác	166	189	209	246	270
Tài sản dài hạn	709	703	698	697	681
Phải thu dài hạn	4.83	5.84	5.57	5.63	5.72
Tài sản cố định	324	394	384	395	380
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	102	20.6	29.1	17.1	15.1
Đầu tư tài chính dài hạn	32.5	32.5	32.5	32.5	32.5
Tài sản dài hạn khác	246	250	247	247	247
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,765	1,566	1,558	2,043	1,944
Nợ ngắn hạn	1,749	1,551	1,545	2,032	1,935
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,216	1,207	1,102	1,396	1,490
Phải trả người bán ngắn hạn	209	117	212	297	197
Nợ dài hạn	16.7	15.0	12.9	11.3	9.62
Vay và nợ thuê dài hạn	14.8	13.1	11.5	9.85	8.21
Nguồn vốn chủ sở hữu	960	969	997	977	993
Vốn chủ sở hữu	960	969	997	977	993
Vốn điều lệ	465	465	465	465	697
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)